



VNU Journal of Science: Legal Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/LS>



Original Article

International Legal Standards on Detention Measures and Recommendations for Reforming Vietnamese Criminal Procedure Law

Hoang Tam Phi*

East Asia University of Technology, Xuan Phuong, Ha Noi, Viet Nam

Received 28th February 2025

Revised 17th August 2025; Accepted 20th December 2025

Abstract: The article examines the extent to which Vietnam's Criminal Procedure Law on pretrial detention aligns with international legal standards and the practices of selected countries. Based on an analysis of international legal frameworks and a comparative study of the laws and practical applications in Russia, Germany, Japan, and China, the research identifies gaps and shortcomings in Vietnam's legislation. The findings reveal that, while these countries regard pretrial detention as a last resort, applied cautiously under independent judicial oversight and with priority given to alternative measures, Vietnam's law still prioritizes detention, applies inflexible time limits, and lacks adequate safeguards for human rights. Accordingly, the article proposes several recommendations: clearly establishing the principle that pretrial detention is a last resort; expanding judicial authority to impose this measure; enhancing procedural transparency and the right to appeal; and codifying alternative measures. These recommendations aim to increase transparency, strengthen human rights protection, and advance Vietnam's integration into the international legal framework.

Keywords: International treaties, pretrial detention, human rights, criminal procedure.

* Corresponding author.

E-mail address: phihoang1001@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4751>

Chuẩn mực pháp luật quốc tế về biện pháp tạm giam và một số gợi mở hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam

Hoàng Tám Phi*

Trường Đại học Công nghệ Đông Á, Xuân Phương, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 28 tháng 02 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 17 tháng 8 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 12 năm 2025

Tóm tắt: Bài viết tập trung nghiên cứu mức độ tương thích của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về biện pháp tạm giam so với các chuẩn mực pháp luật quốc tế và kinh nghiệm một số quốc gia. Trên cơ sở phân tích khung pháp luật quốc tế và so sánh pháp luật, thực tiễn áp dụng tại Liên bang Nga, Cộng hòa Liên bang Đức, Nhật Bản và Trung Quốc, nghiên cứu chỉ ra khoảng cách và bất cập của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam. Kết quả cho thấy, trong khi các quốc gia trên coi tạm giam là biện pháp ngăn chặn cuối cùng, áp dụng thận trọng với sự giám sát tư pháp độc lập và ưu tiên biện pháp thay thế, pháp luật Việt Nam vẫn ưu tiên tạm giam, thời hạn thiếu linh hoạt, thủ tục chưa bảo đảm đầy đủ quyền con người. Từ đó, bài viết có một số khuyến nghị sau: xác lập rõ nguyên tắc tạm giam là biện pháp cuối cùng; mở rộng thẩm quyền cho thẩm phán; minh bạch hóa thủ tục và quyền khiếu nại; luật hóa các biện pháp thay thế. Những khuyến nghị này nhằm tăng tính minh bạch, bảo vệ quyền con người và thúc đẩy hội nhập pháp lý quốc tế.

Từ khóa: Điều ước quốc tế, biện pháp tạm giam, quyền con người, tố tụng hình sự.

1. Chuẩn mực pháp luật quốc tế về biện pháp tạm giam

Biện pháp tạm giam được xem là một trong những nội dung quan trọng trong tố tụng hình sự (TTHS), cần được áp dụng một cách thận trọng để bảo đảm quyền con người, phù hợp với các chuẩn mực pháp luật quốc tế. Chuẩn mực pháp luật quốc tế về biện pháp tạm giam nhấn mạnh rằng đây phải là biện pháp cuối cùng, chỉ áp dụng khi không có biện pháp thay thế phù hợp và phải bảo đảm quyền con người. Điều 9 của Công ước quốc tế về các Quyền dân sự và chính trị năm 1966 (ICCPR) yêu cầu tạm giam phải có căn cứ hợp pháp, thông báo rõ ràng về lý do bắt giữ và đảm bảo quyền được xét xử nhanh chóng. Claire Macken khi phân tích sâu về việc giam giữ phòng ngừa và quyền tự do cá nhân theo ICCPR,

bà nhấn mạnh rằng việc giam giữ phòng ngừa không bị cấm tuyệt đối theo Điều 9(1) của ICCPR, nhưng sẽ bị coi là tùy tiện nếu không tuân thủ các biện pháp bảo vệ thủ tục, đặc biệt là quyền được xem xét tư pháp về tính hợp pháp của việc giam giữ [1]. Bộ Quy tắc Nelson Mandela (2015) và Công ước Chống tra tấn (CAT, 1984) cũng khẳng định rằng tạm giam không được mang tính trừng phạt và phải tuân thủ các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về quyền con người.

Hai nhà nghiên cứu Dirk Van Zyl Smit và Sonja Snacken trong “Principles of European Prison Law and Policy: Penology and Human Rights” đã nhấn mạnh rằng việc áp dụng tạm giam một cách thường xuyên và thiếu cân nhắc các biện pháp thay thế không chỉ gây ra tình trạng giam giữ quá tải mà còn tiềm ẩn nhiều vấn

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: phihoang1001@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4751>

đề về quyền con người. Chẳng hạn việc áp dụng tạm giam rộng rãi, không hợp lý khiến các nhà tù phải đối mặt với tình trạng quá tải, dẫn đến việc giảm chất lượng cơ sở vật chất và điều kiện giam giữ. Tình trạng này không chỉ tạo áp lực cho hệ thống quản lý nhà tù mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý và sức khỏe của người bị giam giữ, làm gia tăng nguy cơ các hành vi bạo lực, xung đột hoặc tự tổn thương. Mặt khác, việc áp dụng tạm giam thường xuyên có thể làm xói mòn lòng tin của công chúng đối với hệ thống tư pháp, khi các nguyên tắc pháp quyền không được thực thi nghiêm túc. Việc giam giữ những cá nhân chưa bị kết án trong thời gian dài có thể dẫn đến sự bất mãn, cảm giác bị trừng phạt trước khi có phán quyết chính thức, làm suy giảm tính công bằng của hệ thống tư pháp [2].

Về thẩm quyền quyết định và quy trình tạm giam, Hội đồng châu Âu khuyến nghị rằng thẩm quyền quyết định tạm giam nên thuộc về cơ quan tư pháp độc lập và cần ưu tiên các biện pháp thay thế như bảo lãnh, giám sát điện tử, hoặc cam kết không rời khỏi nơi cư trú. Trong nghiên cứu của mình, Michael Tonry cũng nhấn mạnh rằng việc áp dụng các biện pháp thay thế không chỉ giúp giảm áp lực lên hệ thống giam giữ mà còn thúc đẩy hiệu quả quản lý tư pháp [3]. Các quốc gia cần minh bạch hóa quy trình tạm giam, đảm bảo quyền tiếp cận luật sư ngay từ đầu và giám sát chặt chẽ điều kiện giam giữ. Việc tuân thủ các chuẩn mực pháp luật quốc tế không chỉ bảo vệ quyền con người mà còn xây dựng một hệ thống tư pháp hiện đại, công bằng và phù hợp với bối cảnh hội nhập toàn cầu.

Một số bài học rút ra từ chuẩn mực pháp luật quốc tế

- Tạm giam chỉ nên được coi là biện pháp ngăn chặn cuối cùng, khi không có biện pháp thay thế hiệu quả nào khác;
- Thẩm quyền ra quyết định tạm giam phải được trao cho cơ quan tư pháp độc lập để bảo đảm tính khách quan;
- Quy trình áp dụng tạm giam cần minh bạch, nhanh chóng và phải bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người bị giam giữ;
- Cần thiết lập các biện pháp thay thế tạm

giam như bảo lãnh, giám sát điện tử hoặc cam kết không rời khỏi nơi cư trú.

2. Pháp luật của một số quốc gia về biện pháp tạm giam

Tác giả chọn Liên bang Nga, Cộng hòa Liên bang (CHLB) Đức, Nhật Bản và Trung Quốc để phân tích biện pháp tạm giam trong TTTHS, dựa trên sự đa dạng về hệ thống pháp luật, truyền thống tố tụng và kinh nghiệm thực tiễn. Đây là các đại diện tiêu biểu: Đức theo truyền thống châu Âu lục địa, Nga với mô hình hậu Xô Viết, Nhật Bản kết hợp pháp luật phương Tây và giá trị truyền thống, Trung Quốc mang đặc trưng xã hội chủ nghĩa. Những năm gần đây, cả bốn quốc gia đều cải cách đáng kể: Đức và Nhật Bản đẩy mạnh biện pháp thay thế như bảo lãnh, giám sát điện tử; Nga và Trung Quốc điều chỉnh quy trình tạm giam tiệm cận chuẩn mực quốc tế. Nghiên cứu các mô hình này cung cấp cơ sở tham khảo cho việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam về tạm giam.

2.1. Pháp luật tố tụng hình sự Liên bang Nga về biện pháp tạm giam

Pháp luật TTTHS Liên bang Nga quy định biện pháp tạm giam là một trong những biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc nhất, được áp dụng nhằm bảo đảm sự có mặt của bị can, bị cáo tại phiên tòa hoặc ngăn ngừa nguy cơ tiếp tục phạm tội. Theo Điều 97 và 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) Liên bang Nga năm 2001, tạm giam chỉ được áp dụng khi có căn cứ xác định rằng người bị tình nghi hoặc bị can có thể trốn tránh pháp luật, gây cản trở điều tra hoặc phạm tội mới. Đặc biệt, việc áp dụng biện pháp này phải cân nhắc các yếu tố nhân thân như tuổi tác, sức khỏe, hoàn cảnh gia đình và nghề nghiệp của đối tượng.

a) Thẩm quyền và quy trình áp dụng

Theo Điều 108 BLTTHS Nga, thẩm quyền áp dụng biện pháp tạm giam thuộc về tòa án, đảm bảo tính độc lập và khách quan trong quyết định [4]. Điều này cũng phù hợp với quy định tại Điều

22 Hiến pháp Liên bang Nga, khẳng định quyền tự do của cá nhân chỉ có thể bị hạn chế bởi phán quyết của một thẩm phán độc lập. Quy trình áp dụng được thực hiện thông qua phiên họp đặc biệt với sự tham gia của thẩm phán, kiểm sát viên và người bị tình nghi, đảm bảo tính minh bạch và quyền được bảo vệ của người bị bắt giữ. Theo Điều 94 BLTTHS Nga, thẩm phán phải ra quyết định tạm giam trong vòng 48 giờ kể từ khi người bị tình nghi bị tạm giữ [4]. Điều này đảm bảo rằng tạm giam không được lạm dụng như một công cụ kéo dài thời gian giam giữ mà không có căn cứ pháp lý.

b) Thời hạn tạm giam

Theo Điều 109 BLTTHS Liên bang Nga, thời hạn tạm giam ban đầu là 02 tháng. Thời hạn này có thể được gia hạn lên đến 06 tháng trong các trường hợp thông thường và tối đa 12 tháng đối với các vụ án nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng. Việc gia hạn vượt quá 12 tháng chỉ được phép trong những trường hợp đặc biệt và phải có sự phê chuẩn của tòa án cấp cao hơn [4]. Ví dụ: Trong vụ án Andrey Smirnov kiện Nga (*Andrey Smirnov v. Russia*), Tòa án Nhân quyền châu Âu (European Court of Human Rights - ECtHR) đã xem xét tính hợp pháp và căn cứ của việc tạm giam ông Smirnov trước khi xét xử. Tòa án nhận thấy rằng việc tạm giam kéo dài mà không có lý do chính đáng đã vi phạm quyền tự do cá nhân của ông theo Điều 5 của Công ước Nhân quyền châu Âu (European Convention on Human Rights - ECHR) [5]. Tuy nhiên, các hạn chế đặc biệt áp dụng đối với một số nhóm đối tượng, như phụ nữ mang thai, người nuôi con nhỏ hoặc những người phạm tội kinh tế, trừ trường hợp có các tình tiết đặc biệt (Khoản 4 Điều 108 BLTTHS Nga).

c) Bảo đảm quyền lợi của người bị tạm giam

Để ngăn ngừa việc lạm dụng, pháp luật Liên bang Nga quy định rõ quyền khiếu nại của người bị tạm giam. Theo đó, trong vòng 3 ngày kể từ khi quyết định tạm giam được ban hành, người bị tạm giam có quyền khiếu nại lên tòa án cấp trên (Điều 97, 108 BLTTHS Nga) [4]. Điều này

thể hiện sự tuân thủ các chuẩn mực pháp luật quốc tế về quyền được tiếp cận công lý và quyền được xét xử công bằng. Đồng thời, việc áp dụng nguyên tắc phân công án ngăn chặn hiện tượng lạm quyền từ phía thẩm phán hoặc cơ quan điều tra. Nghiên cứu này chỉ ra rằng các quy định của BLTTHS Nga đã tiếp cận khá gần với các chuẩn mực quốc tế như ICCPR, đặc biệt trong việc nhấn mạnh rằng tạm giam chỉ được áp dụng như một biện pháp cuối cùng. Tuy nhiên, hiện vẫn tồn tại những thách thức trong việc thực thi, đặc biệt là nguy cơ kéo dài thời gian tạm giam trong các vụ án phức tạp hoặc áp lực chính trị lên các vụ án hình sự [6].

d) So sánh với chuẩn mực quốc tế

Pháp luật TTHS Liên bang Nga về tạm giam có nhiều điểm tương đồng với ICCPR và ECHR, khi quy định chỉ áp dụng theo quyết định của tòa án hoặc thẩm phán độc lập, thời hạn rõ ràng và bảo đảm quyền khiếu nại, phù hợp nguyên tắc quyền tự do cá nhân (Điều 9 ICCPR). Việc cân nhắc yếu tố nhân thân như tuổi, sức khỏe, hoàn cảnh gia đình cũng đáp ứng khuyến nghị quốc tế. Tuy vậy, một số học giả chỉ ra rằng thực tiễn vẫn tồn tại bất cập như kéo dài thời gian tạm giam trong vụ án phức tạp, áp lực từ cơ quan điều tra và thiếu phát triển biện pháp thay thế (bảo lãnh, giám sát điện tử), làm giảm tính linh hoạt. Hoàn thiện pháp luật và tăng cường giám sát độc lập sẽ giúp Nga tiệm cận hơn với chuẩn mực quốc tế, nâng cao minh bạch và công bằng trong TTHS.

2.2. Pháp luật tố tụng hình sự Cộng hòa Liên bang Đức về biện pháp tạm giam

Pháp luật TTHS của CHLB Đức quy định biện pháp tạm giam (*Untersuchungshaft*) là một biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt, chỉ áp dụng trong các trường hợp đặc biệt nhằm bảo đảm sự tham gia của bị can, bị cáo trong quá trình tố tụng hoặc ngăn ngừa nguy cơ tái phạm. Theo Điều 112 BLTTHS CHLB Đức (*Strafprozessordnung* - StPO) năm 1987 (sửa đổi năm 2019)¹, tạm giam

¹ Về sau viết tắt là BLTTHS CHLB Đức hoặc StPO.

chỉ được áp dụng khi có căn cứ rõ ràng về nguy cơ bị can trốn tránh, gây cản trở việc thu thập chứng cứ hoặc tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nghiêm trọng.

a) Thẩm quyền và quy trình áp dụng

Thẩm quyền quyết định tạm giam thuộc về thẩm phán độc lập, theo quy định tại Điều 104 và 112 StPO. Điều này bảo đảm sự khách quan và minh bạch trong quá trình tố tụng, phù hợp với Điều 2 và 19 của Luật Cơ bản (Grundgesetz - Hiến pháp CHLB Đức), khẳng định quyền tự do cá nhân chỉ có thể bị hạn chế bởi một quyết định tư pháp hợp pháp. Quy trình tạm giam phải tuân thủ chặt chẽ nguyên tắc xét xử công bằng (the principle of fair trial), với yêu cầu tổ chức phiên họp để thẩm phán xem xét các yếu tố về nhân thân, tính chất vụ án, và các điều kiện khách quan khác. Thẩm phán phải thông báo ngay cho bị can về lý do áp dụng tạm giam và đảm bảo rằng bị can được tiếp cận với luật sư bào chữa trong suốt quá trình tố tụng. Theo Điều 115 StPO, quyết định tạm giam phải được ban hành trong vòng 48 giờ kể từ khi bị can bị bắt giữ. Kai Ambos nhận định rằng quy trình này nhằm ngăn ngừa nguy cơ lạm dụng quyền lực trong giai đoạn điều tra [7].

b) Thời hạn tạm giam và các biện pháp thay thế

Thời hạn tạm giam tối đa là 6 tháng, nhưng có thể gia hạn trong các trường hợp đặc biệt như tội phạm có tổ chức hoặc vụ án phức tạp, cần thêm thời gian để thu thập chứng cứ (Điều 121 StPO). Tuy nhiên, tạm giam luôn được coi là biện pháp cuối cùng. Các biện pháp thay thế, chẳng hạn như bảo lãnh, giám sát điện tử, hoặc tước hộ chiếu, được áp dụng ưu tiên khi không cần thiết phải tước tự do của bị can. Trong các nghiên cứu của mình, Thomas Weigend thường nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cân bằng giữa quyền lực của Nhà nước và quyền tự do cá nhân trong quá trình TTHS [8].

c) Bảo đảm quyền lợi của người bị tạm giam

Pháp luật TTHS CHLB Đức quy định rõ quyền lợi của người bị tạm giam, bao gồm quyền khiếu nại và quyền được xét xử nhanh chóng.

Theo Điều 122 StPO, bị can có quyền yêu cầu tòa án xem xét lại tính hợp pháp của việc tạm giam trong các trường hợp có nghi ngờ về căn cứ áp dụng. Điều này phù hợp với ECHR, đặc biệt là Điều 5, đảm bảo quyền được tự do và an toàn cá nhân. Trong một số nghiên cứu, Sabine Gless và các cộng sự cho rằng pháp luật CHLB Đức đã thiết lập một hệ thống TTHS chặt chẽ, hạn chế tối đa việc áp dụng tạm giam mà không có cơ sở hợp pháp, đồng thời bảo vệ quyền con người thông qua việc giám sát tư pháp độc lập. Tuy nhiên, Gless cũng chỉ ra rằng trong một số vụ án phức tạp, áp lực điều tra đôi khi dẫn đến tình trạng kéo dài thời gian tạm giam mà không có giải pháp rõ ràng [9].

d) So sánh với chuẩn mực quốc tế

Pháp luật TTHS CHLB Đức về tạm giam thể hiện sự tương thích cao với ICCPR và ECHR, khi quy định chỉ áp dụng theo quyết định của thẩm phán độc lập và tuân thủ quy trình xét xử công bằng, bảo đảm quyền tự do và an toàn cá nhân (Điều 9 ICCPR, Điều 5 ECHR). Thời hạn tạm giam tối đa 6 tháng, chỉ gia hạn trong trường hợp đặc biệt, phản ánh nguyên tắc không lạm dụng. Đức cũng tiên phong áp dụng các biện pháp thay thế như bảo lãnh, giám sát điện tử, phù hợp khuyến nghị của Hội đồng Châu Âu về giảm thiểu tước tự do. Tuy nhiên, như Kai Ambos nhận định, vẫn tồn tại thách thức khi trong các vụ án có tổ chức hoặc phức tạp, thời hạn tạm giam có thể bị kéo dài, tiềm ẩn nguy cơ xâm phạm quyền con người [7, tr.97]. So với Nhật Bản (tối đa 23 ngày điều tra), thời hạn dài hơn của Đức có thể gây tranh luận, song nhờ cơ chế kiểm soát tư pháp độc lập và minh bạch, Đức vẫn được đánh giá là có hệ thống pháp luật tiên bộ, phù hợp chuẩn mực quốc tế.

2.3. Pháp luật tố tụng hình sự Nhật Bản về biện pháp tạm giam

Pháp luật TTHS Nhật Bản quy định biện pháp tạm giam (拘留 - “koryu”) là một biện pháp ngăn chặn tước tự do, chỉ được áp dụng khi cần thiết để đảm bảo sự có mặt của bị can, bị cáo tại các

giai đoạn tố tụng hoặc ngăn chặn các hành vi cản trở điều tra. Theo BLTTHS Nhật Bản năm 2016 (刑事訴訟法 - “Keiji Soshoho”)², việc áp dụng biện pháp này phải được thực hiện dựa trên các căn cứ pháp lý chặt chẽ và phải tôn trọng quyền con người của người bị tình nghi.

a) Thẩm quyền và quy trình áp dụng

Thẩm quyền quyết định tạm giam thuộc về Tòa án thông qua các thẩm phán độc lập, theo quy định tại Điều 207 và 208 của BLTTHS Nhật Bản. Trước khi quyết định tạm giam, thẩm phán phải tổ chức phiên điều trần để xác minh các yếu tố như: mức độ nghiêm trọng của tội phạm, nguy cơ trốn tránh, khả năng cản trở điều tra hoặc nguy cơ tái phạm. Quy trình này bảo đảm tính minh bạch và công bằng, đồng thời cho phép người bị tình nghi được trình bày ý kiến của mình và được hỗ trợ pháp lý từ luật sư.

Thời hạn tạm giam tối đa trong giai đoạn điều tra là 10 ngày và có thể được gia hạn thêm 10 ngày nếu cần thiết. Theo Điều 208, tổng thời gian tạm giam trong giai đoạn điều tra không được vượt quá 23 ngày, trừ các trường hợp đặc biệt. David T. Johnson nhận xét rằng quy định này giúp hạn chế tình trạng lạm dụng quyền lực trong điều tra, đặc biệt trong các vụ án hình sự phức tạp [10].

b) Thời hạn và các biện pháp thay thế

Pháp luật TTHS Nhật Bản cho phép áp dụng các biện pháp thay thế tạm giam, chẳng hạn như bảo lãnh (保釈 - “hoshaku”) hoặc giám sát tại nơi cư trú, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến quyền tự do của cá nhân. Theo Điều 89, bảo lãnh là quyền cơ bản của bị can, bị cáo trong hầu hết các trường hợp, trừ khi người này bị tình nghi phạm tội nghiêm trọng, có nguy cơ tái phạm hoặc gây nguy hiểm cho cộng đồng.

c) Quyền lợi của người bị tạm giam

Pháp luật TTHS Nhật Bản cũng quy định rõ quyền lợi của người bị tạm giam, bao gồm quyền tiếp cận luật sư không bị hạn chế, quyền được

xét xử nhanh chóng và quyền khiếu nại quyết định tạm giam. Theo Điều 39, bị can, bị cáo có quyền gặp gỡ luật sư mà không có sự giám sát của cơ quan điều tra, đảm bảo quyền bào chữa được thực hiện đầy đủ. Trong các nghiên cứu của mình, Daniel H. Foote đã phân tích sâu về hệ thống tư pháp hình sự Nhật Bản, đặc biệt là vấn đề tạm giam trước khi khởi tố. Ông đã nêu bật các mối quan ngại về việc kéo dài thời gian tạm giam có thể ảnh hưởng đến quyền con người và tính công bằng trong điều tra. Ví dụ, trong bài viết “Benevolent Paternalism Revisited” [11], ông đã thảo luận về các khía cạnh này của hệ thống tư pháp hình sự Nhật Bản.

d) So sánh với chuẩn mực quốc tế

Pháp luật TTHS Nhật Bản quy định tạm giam do tòa án quyết định sau phiên điều trần, bảo đảm tính minh bạch, quyền trình bày và tiếp cận luật sư. Thời hạn tạm giam giai đoạn điều tra tối đa 23 ngày, kèm quyền bảo lãnh (Điều 89 BLTTHS) và các biện pháp thay thế khác, nhằm hạn chế tác động đến quyền tự do cá nhân. Quyền lợi người bị tạm giam, như gặp gỡ luật sư không bị giám sát và quyền khiếu nại, được bảo đảm, phù hợp với chuẩn mực quốc tế như ICCPR. Tuy nhiên, một số nghiên cứu cảnh báo nguy cơ lạm dụng thời gian tạm giam, ảnh hưởng đến tính công bằng của điều tra. Nhìn chung, Nhật Bản duy trì thời hạn ngắn, ưu tiên biện pháp thay thế và bảo vệ quyền con người trong TTHS.

2.4. Pháp luật tố tụng hình sự Trung Quốc về biện pháp tạm giam

Pháp luật TTHS Trung Quốc quy định biện pháp tạm giam (逮捕 - “daibu”) là một biện pháp ngăn chặn được áp dụng khi cần bảo đảm sự có mặt của bị can, bị cáo trong quá trình tố tụng, ngăn ngừa nguy cơ tiếp tục phạm tội hoặc gây cản trở điều tra. Theo Điều 79 BLTTHS Trung Quốc 1996³, tạm giam chỉ được áp dụng khi có căn cứ rõ ràng xác định rằng người bị tình nghi phạm tội nghiêm trọng, có nguy cơ bỏ

² Về sau viết tắt là BLTTHS Nhật Bản, xem bản dịch tiếng Việt tại: <https://accgroup.vn/bo-luat-to-tung-hinh-su-nhat-ban> (ngày truy cập: 06/5/2025).

³ Về sau viết tắt là BLTTHS Trung Quốc.

trốn, phá hoại chứng cứ hoặc gây nguy hiểm cho xã hội.

a) Thẩm quyền và quy trình áp dụng

Thẩm quyền ra quyết định tạm giam thuộc về viện kiểm sát hoặc tòa án nhân dân, với sự tham gia của cơ quan công an trong việc thực hiện (Điều 80 BLTTHS). Trước khi quyết định tạm giam, cơ quan công an phải tiến hành điều tra sơ bộ và cung cấp đầy đủ bằng chứng cho viện kiểm sát để thẩm định. Quy trình này nhằm bảo đảm tính minh bạch và hạn chế việc áp dụng tạm giam một cách tùy tiện. Điều đặc biệt trong pháp luật TTHS Trung Quốc là yêu cầu thông báo cho gia đình người bị tạm giam trong vòng 24 giờ sau khi quyết định được ban hành, trừ các trường hợp liên quan đến tội phạm an ninh quốc gia hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến điều tra. Theo Điều 83, quyền tiếp cận luật sư của người bị tạm giam được bảo đảm, tuy nhiên trong một số vụ án nhạy cảm (Chẳng hạn như tội phạm chính trị), quyền này có thể bị hạn chế. Trong cuốn sách “Chinese Law: Context and Transformation”, Jianfu Chen phân tích sâu về quá trình hiện đại hóa pháp luật Trung Quốc và những thách thức trong việc bảo đảm quyền con người. Tác giả thảo luận về việc Trung Quốc đã có những cải thiện trong hệ thống pháp luật, nhưng vẫn còn tồn tại những vấn đề liên quan đến việc thực thi quyền lợi của người bị giam giữ [12].

b) Thời hạn tạm giam và biện pháp thay thế

Thời hạn tạm giam trong giai đoạn điều tra ban đầu là 30 ngày và có thể được gia hạn tối đa đến 7 tháng đối với các vụ án phức tạp hoặc tội phạm nghiêm trọng (Điều 154 BLTTHS). Pháp luật Trung Quốc cũng cho phép áp dụng các biện pháp thay thế như bảo lãnh (取保候审 - “qubao houshen”) hoặc giám sát tại nơi cư trú (监视居住 - “jianshi juzhu”). Các biện pháp này được áp dụng khi không cần thiết phải tước tự do nhưng vẫn bảo đảm bị can, bị cáo không bỏ trốn hoặc gây nguy hiểm cho cộng đồng.

c) Bảo đảm quyền lợi của người bị tạm giam

Pháp luật TTHS Trung Quốc có những quy định nhằm bảo vệ quyền lợi của người bị tạm

giam, như quyền khiếu nại quyết định tạm giam lên viện kiểm sát hoặc tòa án, quyền yêu cầu xét xử nhanh chóng và quyền được thông báo đầy đủ về các quyền của mình. Tuy nhiên, trong thực tế, các tác giả như Margaret Y. K. Woo chỉ ra rằng việc áp dụng quyền khiếu nại này thường gặp nhiều hạn chế, đặc biệt là trong các vụ án liên quan đến an ninh quốc gia hoặc các tội phạm chính trị [13].

d) So sánh với chuẩn mực quốc tế

Pháp luật TTHS Trung Quốc quy định tạm giam do viện kiểm sát hoặc tòa án quyết định, áp dụng khi có căn cứ về tính nghiêm trọng của tội phạm, nguy cơ bỏ trốn hoặc cản trở điều tra. Quy định thời hạn ban đầu 30 ngày, có thể gia hạn tới 7 tháng đối với vụ án phức tạp; cho phép biện pháp thay thế như bảo lãnh hoặc giám sát tại nơi cư trú. Người bị tạm giam có quyền khiếu nại, được thông báo cho gia đình trong 24 giờ và tiếp cận luật sư, nhưng các quyền này có thể bị hạn chế trong vụ án liên quan an ninh quốc gia. Dù đã cải thiện để tiệm cận ICCPR, cơ chế kiểm soát chính trị vẫn ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền con người, đòi hỏi tiếp tục hoàn thiện và nâng cao thực thi.

3. Một số gợi mở để hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về biện pháp tạm giam từ chuẩn mực pháp luật quốc tế và kinh nghiệm của một số quốc gia

3.1. Tiếp thu từ chuẩn mực pháp luật quốc tế và kinh nghiệm của một số quốc gia

Từ phân tích các chuẩn mực pháp luật quốc tế và kinh nghiệm của một số quốc gia như Liên bang Nga, CHLB Đức, Nhật Bản và Trung Quốc, có thể rút ra một số điểm chung có giá trị tham khảo đối với việc hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về biện pháp tạm giam. Cụ thể:

Tạm giam là biện pháp sau cùng: Các văn kiện quốc tế như ICCPR, ECHR và Bộ Quy tắc Nelson Mandela đều khẳng định nguyên tắc chỉ sử dụng tạm giam khi không còn biện pháp nào phù hợp hơn. Đây là nguyên tắc xuyên suốt trong

pháp luật của Đức, Nhật Bản và Nga.

Thẩm quyền tư pháp độc lập: Việc áp dụng tạm giam tại các quốc gia nêu trên đều đặt dưới thẩm quyền của tòa án hoặc thẩm phán độc lập nhằm bảo đảm tính khách quan và tránh lạm quyền. Các quy trình đều quy định thời hạn tạm giam rõ ràng và cho phép người bị giam giữ được khiếu nại.

Các yếu tố nhân thân: Việc cân nhắc kỹ lưỡng các yếu tố như tuổi tác, tình trạng sức khỏe, hoàn cảnh gia đình được quy định cụ thể trong luật tố tụng của Nga, Nhật và Trung Quốc như một yêu cầu bắt buộc trước khi áp dụng tạm giam.

Biện pháp thay thế: Các nước đều áp dụng hiệu quả các biện pháp thay thế như bảo lãnh, giám sát điện tử hoặc cấm đi khỏi nơi cư trú. Ở CHLB Đức, đây là những biện pháp được ưu tiên áp dụng nhằm bảo đảm quyền tự do cá nhân.

Thủ tục minh bạch và quyền tiếp cận luật sư: Nhật Bản và CHLB Đức đặc biệt nhấn mạnh việc thông báo đầy đủ quyền và nghĩa vụ cho người bị tạm giam, đồng thời bảo đảm quyền tiếp cận luật sư ngay từ đầu.

Những điểm chung trên cho thấy xu hướng tiến bộ trong pháp luật TTHS quốc tế là giới hạn chặt chẽ việc áp dụng biện pháp tạm giam, tăng cường kiểm soát tư pháp và bảo đảm quyền con người một cách thực chất.

3.2. Một số gợi mở để hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về biện pháp tạm giam

Trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm quốc tế, bài viết đề xuất một số định hướng sửa đổi pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam nhằm tăng cường tính minh bạch, khách quan và bảo vệ quyền con người trong việc áp dụng biện pháp tạm giam:

Thứ nhất, cần xác lập rõ ràng tính độc lập giữa biện pháp tạm giam và các biện pháp ngăn chặn không tước tự do. Hiện nay, pháp luật Việt Nam sắp xếp tạm giam như biện pháp ưu tiên, chỉ xem xét biện pháp thay thế khi không đủ căn cứ tạm giam. Cách tiếp cận này cần được đảo ngược để phù hợp với nguyên tắc tạm giam là biện pháp cuối cùng. Nhiều học giả Việt Nam cũng cho rằng, pháp luật TTHS Việt Nam cần

thiết lập các biện pháp thay thế tạm giam, như bảo lãnh và giám sát điện tử, để giảm thiểu các tác động tiêu cực đến quyền tự do cá nhân [15 - 17]. Việc áp dụng tạm giam cần đặt trong khuôn khổ của các nguyên tắc pháp quyền, đảm bảo tính công bằng, khách quan và quyền tiếp cận tư pháp của người bị tạm giam. Như vậy, theo đúng logic, các cơ quan có thẩm quyền phải cân nhắc căn cứ áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác trước khi cân nhắc căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam.

Thứ hai, mở rộng thẩm quyền quyết định tạm giam cho thẩm phán, đặc biệt là trong giai đoạn xét xử. Điều 347 BLTTHS hiện hành quy định thẩm quyền này chỉ giới hạn ở Chánh án hoặc Phó Chánh án, trong khi mô hình của nhiều nước giao quyền này cho thẩm phán chủ tọa phiên tòa, tạo điều kiện linh hoạt và bảo đảm tính độc lập tư pháp. Theo đó, tác giả đề xuất:

i) Quy định rõ ràng về thẩm quyền của thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bổ sung quy định cho phép thẩm phán được quyền quyết định tạm giam bị cáo trong giai đoạn xét xử sơ thẩm và phúc thẩm khi xét thấy có căn cứ phù hợp. Điều này tương đồng với quy định tại Điều 108 BLTTHS Liên bang Nga và Điều 112 BLTTHS CHLB Đức, trong đó thẩm phán không chỉ xem xét lệnh tạm giam do Viện kiểm sát đề xuất mà còn có quyền chủ động áp dụng biện pháp này.

ii) Mở rộng thẩm quyền ra quyết định tạm giam ngay tại phiên tòa: Thẩm phán có thể ra quyết định tạm giam tại chỗ đối với bị cáo khi xuất hiện tình tiết mới cho thấy cần thiết áp dụng biện pháp này, chẳng hạn như nguy cơ bỏ trốn hoặc cản trở xét xử.

iii) Bổ sung cơ chế giám sát và khiếu nại: Khi mở rộng thẩm quyền cho thẩm phán, cần quy định chặt chẽ về cơ chế giám sát để tránh nguy cơ lạm quyền. Chẳng hạn, quyết định tạm giam của thẩm phán có thể bị kháng nghị lên cấp phúc thẩm trong một thời hạn nhất định, giống như cơ chế kiểm soát tư pháp tại CHLB Đức và Nhật Bản.

Thứ ba, luật cần ghi nhận cụ thể các yếu tố nhân thân như tuổi, tình trạng sức khỏe, hoàn cảnh gia đình, nghề nghiệp... là tiêu chí bắt buộc

phải cân nhắc khi quyết định tạm giam. Điều này vừa nhân văn, vừa tăng tính trách nhiệm cho cơ quan tiến hành tố tụng.

Những quy định này cũng thể hiện chính sách của các quốc gia trong việc bảo đảm việc áp dụng biện pháp ngăn chặn hạn chế quyền tự do thân thể với bị can, bị cáo phù hợp nhất. Thực chất, trong các quy định về biện pháp tạm giam trong BLTTHS Việt Nam cũng thể hiện việc cân nhắc đến các yếu tố này, tuy nhiên chưa có sự ghi nhận thành một điều luật riêng [17].

Thứ tư, cần sửa đổi quy định về thủ tục áp dụng tạm giam, cụ thể:

i) Quy định rõ về nghĩa vụ thông báo và cung cấp văn bản cho người bị tạm giam: Theo BLTTHS CHLB Đức, khi ra quyết định tạm giam, ngoài việc công bố nội dung và căn cứ pháp lý, cơ quan có thẩm quyền còn phải gửi kèm một văn bản chính thức nêu rõ quyền và nghĩa vụ của người bị tạm giam. Quy định này giúp đảm bảo rằng người bị tạm giam hiểu đầy đủ về quyền lợi của mình, tránh tình trạng bị lạm dụng hoặc bị ép buộc khai báo trái pháp luật. BLTTHS Việt Nam có thể sửa đổi theo hướng bổ sung quy định yêu cầu cơ quan thực thi pháp luật phải cung cấp bằng văn bản các thông tin về quyền và nghĩa vụ của bị can, bị cáo khi thực hiện lệnh tạm giam, thay vì chỉ thông báo hoặc giải thích bằng lời nói như hiện nay;

ii) Tăng cường quyền được trình bày ý kiến của bị can, bị cáo trước khi áp dụng tạm giam: BLTTHS Nhật Bản quy định rõ rằng trước khi ra quyết định tạm giam, bị can, bị cáo phải được thông báo về lý do họ bị tình nghi và có quyền trình bày ý kiến về sự việc bị nghi vấn. Điều này đảm bảo rằng người bị tạm giam có cơ hội bảo vệ mình và tránh tình trạng áp dụng tạm giam tùy tiện. Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm này bằng cách bổ sung quy định rằng trước khi quyết định tạm giam có hiệu lực, cơ quan có thẩm quyền phải tổ chức một buổi làm việc để bị can, bị cáo được trình bày quan điểm của mình, trừ trường hợp họ bỏ trốn hoặc có hành vi chống đối quyết liệt;

iii) Quy định cơ chế giám sát chặt chẽ thủ tục tạm giam: Bên cạnh việc hoàn thiện quy trình

thông báo và quyền trình bày của bị can, bị cáo, BLTTHS Việt Nam cũng cần bổ sung cơ chế giám sát việc thực hiện lệnh tạm giam. Cụ thể, có thể yêu cầu Viện kiểm sát hoặc một cơ quan giám sát độc lập theo dõi quá trình thi hành biện pháp tạm giam, đặc biệt là việc đảm bảo quyền tiếp cận luật sư, điều kiện giam giữ, và việc thực thi các quyền của người bị tạm giam.

Thứ năm, cần luật hóa các biện pháp thay thế và khuyến khích áp dụng trong thực tiễn như bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, giám sát điện tử, cấm đi khỏi nơi cư trú, qua đó từng bước giảm tình trạng lạm dụng tạm giam và bảo vệ hiệu quả hơn quyền tự do thân thể của công dân.

Việc sửa đổi BLTTHS theo hướng trên không chỉ giúp tăng cường tính minh bạch, khách quan trong áp dụng biện pháp tạm giam mà còn bảo vệ quyền con người một cách thực chất, phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

4. Kết luận

Biện pháp tạm giam giữ vai trò quan trọng trong TTHS, song việc áp dụng cần được thực hiện một cách thận trọng, phù hợp với các chuẩn mực pháp luật quốc tế nhằm bảo đảm quyền con người và ngăn ngừa nguy cơ lạm dụng. Qua phân tích so sánh với các hệ thống pháp luật của Liên bang Nga, CHLB Đức, Nhật Bản và Trung Quốc, có thể thấy rằng tạm giam nên được coi là biện pháp sau cùng, chỉ áp dụng khi không còn biện pháp khả thi nào khác, đồng thời cần cân nhắc kỹ lưỡng các yếu tố như nhân thân, hoàn cảnh gia đình và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội. Trong khi pháp luật TTHS Việt Nam hiện nay vẫn tồn tại những hạn chế, như xu hướng ưu tiên tạm giam hơn các biện pháp không tước tự do và quy định thời hạn tạm giam còn thiếu linh hoạt. Tác giả cho rằng cần có những sửa đổi nhằm bảo đảm tính khách quan, minh bạch và bảo vệ tốt hơn quyền lợi của bị can, bị cáo. Những sửa đổi nên bao gồm các vấn đề sau: xác định rõ tạm giam là biện pháp sau cùng, mở rộng thẩm quyền áp dụng cho thẩm phán, tăng cường cơ chế giám sát và áp dụng phổ biến hơn các biện pháp thay thế như bảo lãnh hoặc cấm đi

khỏi nơi cư trú. Việc hoàn thiện pháp luật về tạm giam không chỉ đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong nước mà còn là bước đi cần thiết để Việt Nam hội nhập sâu rộng với các chuẩn mực pháp lý quốc tế, qua đó khẳng định cam kết của Nhà nước trong việc xây dựng một nền tư pháp công bằng, minh bạch và nhân văn.

Tài liệu tham khảo

- [1] C. Macken, Preventive Detention and the Right of Personal Liberty and Security Under The International Covenant on Civil and Political Rights, 1966, 26 Adelaide Law Review, 2005, pp. 1-28.
https://www.ilsa.org/Jessup/Jessup16/Batch%202/MackenDEtention.pdf?utm_source=chatgpt.com. (accessed on: May 6th, 2025).
- [2] Dirk Van Zyl Smit & Sonja Snacken, Principles of European Prison Law and Policy: Penology and Human Rights. Oxford Univ. Press 2009. ISBN 9780199228430 (hb).
- [3] Michael Tonry, Thinking About Crime: Sense and Sensibility in American Penal Culture. New York: Oxford University Press, 2004. ISBN: 0-195-14101-6.
Bộ luật Tổ tụng Hình sự của Liên bang Nga được Quốc hội (Duma) Nga thông qua ngày 05/12/2001, có hiệu lực từ 01/06/2002 và đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần. YrojioBHO-npoueccyajibHbiii KOjeKC POCCHÍCKOH Oe^epauHH (yiIK PO) OT 18.12.2001 N 174-03 (nocneaHsa peaaKuna)/KoHcyjibTaHTIijiioc (Consultant.ru),
https://legislationline.org/sites/default/files/documents/5a/RF_CPC_2001_am03.2012_en.pdf, truy cập ngày 6/5/2025 (accessed on: May 6th, 2025).
- [4] European Court of Human Rights, Case of Andrey Smirnov v. Russia,
<https://hudoc.echr.coe.int/eng?i=001-180838> (accessed on: May 6th, 2025).
- [5] United Nations (Human Rights Committee), List of Issues in Relation to the Seventh Periodic Report of the Russian Federation, See: Addendum Replies of the Russian Federation to the List of Issues. 2 December 2014.
<https://documents.un.org/doc/undoc/gen/g14/246/12/pdf/g1424612.pdf> (accessed on: May 6th, 2025).
- [6] K. Ambos, The Protection of Fundamental Rights in Europe, European Criminal Law. Cambridge University Press, pp. 74 - 316.
<https://doi.org/10.1017/9781316348628.002>.
- [7] T. Weigen, The Constitutionality of Negotiated Criminal Judgments in Germany. Southern Methodist University:
https://scholar.smu.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1266&context=law_faculty (accessed on: May 6th, 2025).
- [8] S. Gless, T. Richter (Editors), Do Exclusionary Rules Ensure a Fair Trial? A Comparative Perspective on Evidentiary Rules, 2019:
<https://library.oapen.org/bitstream/id/1ee8f936-1539-4397-a557-c886dcd49caa/1007061.pdf>. (accessed on: May 6th, 2025).
- [9] Johnson, H. Elmer, The Japanese Way of Justice: Prosecuting Crime in Japan, Contemporary Sociology; Washington Vol. 31, Iss. 6, 2002, pp. 765 - 767. DOI:10.2307/3089984.
- [10] D. H. Foote, Benevolent Paternalism, Revisited, USALI East-West Studies, Vol. 1, No. 5, 2021.
https://static1.squarespace.com/static/55d21f4ee4b0d22e803fdca1/t/60cccf36efd30f5bde6eacea/1624035127925/%E2%80%9CBenevolent+Paternalism%E2%80%9D+Revisited_Daniel_Foote,_Vol._1,_No._5.pdf. (accessed on: May 6th, 2025).
- [11] J. Chen, Chinese Law: Context and Transformation, Martinus Nijhoff Publishers.
- [12] A. Rosett, Lucie Cheng & Margaret Y. K. Woo (eds.), East Asian Law: Universal Norms and Local Cultures (Curzon Press, Routledge reprint), ISBN: 9780700716817, 2023.
- [13] Đ. T. Úc, Giáo trình Nhà nước pháp quyền, NXB. ĐHQG Hà Nội, 2015.
- [14] N. N. Chí, L. L. Chi, Giáo trình Luật Tổ tụng Hình sự Việt Nam (tái bản lần 2), NXB. ĐHQGHN, Hà Nội, 2023.
- [15] N. V. Tuấn, Pháp luật tổ tụng hình sự với việc bảo vệ quyền con người, NXB. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2020.
- [16] N. T. Phúc, Chế định các biện pháp ngăn chặn theo luật tổ tụng hình sự Việt Nam, LATs tại Trường Đại học Luật, ĐHQGHN, 2010.